

huyết, cầm huyết, thông đại tiện do can thận âm hư làm dịch khô huyết nhiệt. Tóc bạc sớm. Sau khi sinh ít sữa, đại tiện táo kết. Can thận hao suy làm đầu nặng, đau đầu, hoa mắt, tai ù. Đại tràng nhiệt làm đại tiện táo bón.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 12 g đến 15 g. Tán bột dùng hoặc làm hoàn tán. Trị đại tràng nhiệt làm đại tiện táo bón: Trộn bột vùng đen với mật ong vừa đủ dùng.

Trị các chứng do can thận âm hư và can thận hao suy: Phối hợp lá Vùng phôi khô sao cùng hạt vùng (lượng bằng nhau), tán bột quện với mật ong vừa đủ dùng.

Kiêng kỵ

Người tỳ hàn, đại tiện lỏng khi dùng giảm liều lượng hoặc điều chỉnh cho phù hợp. Trong trường hợp này có thể trộn muối vùng vào cơm ăn thay thức ăn.

Ghi chú

Vùng có 2 loại màu đen và màu ngà vàng (thường gọi vùng trắng). Làm thuốc chỉ dùng vùng có màu đen.

XÀ SÀNG (Quả)

Cnidii Fructus

Giản sàng, Xà sàng tử

Quả chín được làm khô của cây Xà sàng (*Cnidium monnieri* L.), họ Hoa tán (Apiaceae). Thu hoạch vào cuối mùa hạ, mùa thu khi quả chín. Nhổ hay cắt cả cây, phơi hoặc sấy nhẹ cho khô, đập lấy quả, loại bỏ tạp chất, phơi hay sấy khô.

Mô tả

Quả đóng với hai phân quả dính nhau ở một mặt tạo thành hình trứng nhỏ, có khía lồi; dài 2 mm đến 4 mm, đường kính 1 mm đến 2 mm. Mặt ngoài màu vàng nhạt hoặc vàng sẫm. Đỉnh có hai vôi mảnh, dài khoảng 2 mm đến 4 mm. Mỗi phân quả có 5 khía lồi nhô cao xen kẽ với 4 rãnh khá sâu, trông giống như quả có cánh; giữa là một hạt hình trứng. Mặt tiếp xúc giữa hai phân quả là mặt phẳng, có 2 đường chỉ dọc nổi lên màu nâu. Mặt cắt ngang qua tâm của quả nguyên vẹn gồm hai phần là hai phân quả dính liền nhau. Nếu vết cắt không ở ngay giữa thì hai phân quả có thể tách rời. Mỗi phân quả có thể nhìn thấy 6 vết tròn nhỏ tương ứng với 6 ống tiết. Hạt nhỏ, màu nâu xám, có dầu. Quả có mùi thơm, vị cay.

Ghi chú: Loại quả to chắc, có mùi thơm hắc là loại tốt. Quả lép, mốc không dùng.

Vị phẫu

Quả: Vỏ quả ngoài là một lớp gồm các tế bào hình chữ nhật nhỏ, thành mỏng, có cutin hơi răng cưa ở mặt ngoài. Kế đến là 1 đến 2 lớp tế bào mô mềm hình chữ nhật. Vùng mô mềm tương ứng với cạnh lồi có bó libe-gỗ nhỏ gồm libe và gỗ liền nhau, rải rác có tinh thể calci oxalat hình khối nhỏ. Xung quanh bó libe-gỗ, các tế bào của vùng vỏ

quả giữa có một phần hóa mô cứng, nhưng thành tế bào khá mỏng, có cấu tạo giống như mạch mạng. Vỏ quả trong là một lớp tế bào tạo thành vòng liên tục, hơi uốn lượn mấp mô, thành tế bào khá dày. Ở mặt tiếp giáp của hai phân quả, mỗi bên có hai ống tiết, bốn ống tiết còn lại nằm trong mô mềm của vỏ quả giữa, bên dưới bốn rãnh sâu. Ống tiết kiểu ly bào với các tế bào xung quanh còn khá nguyên vẹn, bên trong chứa tinh dầu dưới dạng giọt tròn màu vàng. Ở vùng giữa mặt tiếp hợp, chỗ hạt dính vào, mỗi bên phân quả có một bó libe-gỗ nhỏ (sống noãn) gồm gỗ ở giữa, bao quanh là libe.

Hạt: Vỏ hạt gồm một vòng tế bào mô mềm hình chữ nhật, thành mỏng, xếp sát nhau theo hướng xuyên tâm. Bên trong là nội nhũ gồm các tế bào hình đa giác, thành mỏng, chứa đầy dầu béo.

Bột

Bột có màu vàng nâu, mùi thơm, vị cay. Soi kính hiển vi thấy: Mảnh vỏ quả gồm các tế bào hình chữ nhật hay đa giác, thành mỏng, chứa chất có màu vàng, mảnh ống tiết bị vỡ, mảnh mô cứng gồm các tế bào hình chữ nhật hay đa giác có thành tế bào cấu tạo như mạch mạng, mảnh mạch vạch mạch xoắn nhỏ và hiếm, mảnh nội nhũ chứa nhiều giọt dầu béo to nhỏ không đều, tinh thể calci oxalat hình khối.

Định tính

A. Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 20 ml *ethanol* 96 % (TT), đun hồi lưu trong cách thủy 10 min. Lọc, lấy dịch lọc làm các phản ứng sau:

Dịch lọc đem quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở 366 nm, có huỳnh quang màu đỏ tía.

Lấy 2 ml dịch lọc, nhỏ vài giọt *dung dịch acid hydrochloric* 10 % (TT). Xuất hiện tủa đục. Nhỏ tiếp khoảng 10 giọt *dung dịch natri hydroxyd* 10 % (TT) cho đến pH kiềm. Dung dịch trở nên trong và tăng màu vàng.

Lấy 2 ml dịch lọc, thêm đồng thể tích *dung dịch natri carbonat* 3 % (TT), đun nóng nhẹ trong 5 min. Để nguội, thêm 1 đến 2 giọt *hỗn hợp diazo p-nitroanilin*, xuất hiện màu đỏ anh đào.

Cách pha hỗn hợp diazo p-nitroanilin: Hòa tan 0,4 g *p-nitroanilin* (TT) trong một hỗn hợp gồm 20 ml *dung dịch acid hydrochloric loãng* (TT) và 40 ml *nước*, làm lạnh ở 15 °C và thêm *dung dịch acid nitric* 10 % (TT) cho đến khi một giọt dung dịch làm giấy hồ tinh bột có iodid chuyển thành màu xanh.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel GF₂₅₄*.

Dung môi khai triển: *Cloroform - ethyl acetat* (9 : 1).

Dung dịch thử: Lấy khoảng 0,3 g bột dược liệu thô, thêm 5 ml *ethanol* 96 % (TT), siêu âm trong 5 min, để lắng, lấy phần dịch trong ở trên làm dung dịch thử.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Lấy 0,3 g bột Xà sàng (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được

khoảng 10 cm, lấy bản mỏng ra, để khô ở nhiệt độ phòng. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13).

Tro toàn phần

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Định lượng

Tiến hành phương pháp Định lượng tinh dầu trong dược liệu (Phụ lục 12.7). Lấy khoảng 30 g dược liệu khô, thêm khoảng 200 ml nước; cất trong 3 h với tốc độ 2,5 ml/min đến 3,5 ml/min.

Dược liệu phải chứa ít nhất 1,0 % tinh dầu, tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Xà sàng: Lấy dược liệu khô, sàng xây bỏ tạp chất, hạt lép. Dùng sàng để nấu nước tắm rửa.

Xà sàng tẩm muối sao: Cứ 1 kg Xà sàng dùng 200 g muối ăn. Hòa muối với nước vừa đủ làm ẩm Xà sàng, trộn đều với dược liệu, ủ 2 h, sao có mùi thơm và dược liệu nở đều, màu hơi ngà vàng là đạt. Tẩm muối sao để thuốc hấp thụ vào thận, điều trị có kết quả tốt.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, thoáng mát, tránh làm mất tinh dầu.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, mất tinh dầu, nên dùng trong 60 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị cay, đắng, tính ôn. Vào các kinh thận, tam tiêu.

Công năng, chủ trị

Bổ thận, cường dương, tán hàn, tiêu độc. Chủ trị: Liệt dương, di tinh, mộng tinh, hoạt tinh, viêm âm đạo, viêm cổ tử cung, ngứa âm hộ, xích bạch đới. Đau nhức các khớp. Mụn nhọt lở ngứa ngoài da.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 6 g đến 12 g, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Đun nước để tắm rửa trị viêm nhiễm ngoài da theo chỉ định của thầy thuốc, lượng thích hợp.

Ghi chú: Kết hợp lá Khổ sâm và Xà sàng tỷ lệ (1 : 1), cứ 30 g Xà sàng từ và 30 g lá Khổ sâm đun sôi 1 h với 2 lít nước, để ẩm, vớt bỏ bã lấy nước ngâm rửa âm đạo, âm hộ trị viêm âm đạo, viêm cổ tử cung lộ tuyến, âm đạo ngứa.

Kiêng kỵ

Người hòa vượng, cường dương cấm dùng.

XÍCH ĐỒNG NAM (RỄ)

Clerodendri japonici Radix

Mô tả

Rễ được làm khô của cây Xích đồng nam (*Clerodendrum japonicum* (Thunb.) Sweet.), họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae). Tên đồng nghĩa: *Volkameria japonica* Thunb.; *Volkameria kaempferi* Jacq.; *Clerodendrum squamatum* Vahl; *Clerodendrum kaempferi* (Jacq.) Sieb. ex Steud.; *Clerodendrum infortunatum* auct. Non. L. Thu hoạch vào mùa đông. Đào lấy rễ, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Rễ hình trụ, thẳng hoặc hơi cong, dài 10 cm đến 30 cm, đường kính 0,5 cm đến 2 cm và có nhiều rễ con. Mặt ngoài màu vàng xám, có những vết nhăn theo chiều dọc. Mặt cắt ngang màu vàng nhạt. Chất giòn cứng, dễ bẻ gãy, mùi thơm nhẹ, vị nhạt.

Vi phẫu

Lớp vỏ gồm tế bào hình chữ nhật xếp đều đặn, xếp thành hàng có nhiều chỗ bị nứt, rách. Mô mềm vỏ gồm các tế bào hình trứng, thành mỏng. Mô cứng gồm các tế bào, thành dày hóa gỗ, tụ thành đám rải rác thành vòng bao ngoài lớp libe, trong có chứa nhiều tinh thể calci oxalat hình khối. Libe gồm các tế bào nhỏ bao ngoài lớp gỗ. Tầng phát sinh libe-gỗ gồm một hàng tế bào thành mỏng. Gỗ gồm các mạch to nhỏ khác nhau, bó gỗ xuất phát từ tâm. Trong cùng là lớp mô mềm ruột, bao gồm những tế bào hình đa giác.

Soi bột

Các hạt tinh bột tròn, đứng riêng lẻ hoặc tập trung thành các dạng kép 2, kép 3 hoặc 4. Mảnh bản màu nâu đỏ bao gồm các tế bào hình chữ nhật dài, thành mỏng. Mảnh mô mềm chứa các hạt tinh bột. Tinh thể calci oxalat hình khối đứng riêng lẻ hoặc tập trung thành từng đám trong tế bào mô cứng. Các tế bào mô cứng thành dày, đứng riêng lẻ hoặc tập trung thành đám. Mảnh mạch điểm.

Định tính

A. Lấy khoảng 5 g bột dược liệu cho vào bình nón có dung tích 100 ml, thêm 50 ml *ethanol* 90 % (TT). Lắc kỹ, đun trong cách thủy 10 min, lọc. Cô dịch lọc trên cách thủy đến khi còn khoảng 5 ml để làm các phản ứng sau:

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 5 giọt *acid hydrochloric* (TT) và ít bột *magnesi* (TT), lắc đều, xuất hiện màu đỏ hồng.

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 2 giọt *dung dịch natri hydroxyd* 20 % (TT), xuất hiện tủa vàng cam, tủa sẽ tan trong lượng dư thuốc thử.

Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 1 ml *ethanol* 90 % (TT), lắc đều, thêm 3 giọt *dung dịch sắt (III) clorid* 5 % (TT), dung dịch thu được chuyển từ xanh nhạt sang xanh đen.

B. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4)

Bản mỏng: Silica gel GF₂₅₄.

Dung môi khai triển: Toluene - ethyl acetat - acid formic (4 : 4 : 0,5).